

Bản án số: 675/2016/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2016.

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, Tp. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị A

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị A

2. Bà Lê Thị B

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 312/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1980, có mặt

Địa chỉ: 86A Khu phố Bình Hòa, Phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1975, có mặt

Địa chỉ: 67/183 Bạch Đằng, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Trần Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trung T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 54 quyển số 01/2003 ngày 27/5/2003. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm sau khi kết hôn ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khác biệt về tính cách cũng như quan điểm sống về mọi mặt, bà

đã cố chịu đựng và hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả, trước khi nộp đơn ly hôn bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay mỗi người sống một nơi. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn An K sinh ngày 25/2/2004 bà không tranh chấp và đồng ý để cho ông T nuôi dưỡng con cho đến khi trưởng thành, vì hiện nay cháu Khánh đang ở với ông T.

Về tài sản chung: Không có

Tại bản tự khai đề ngày 20/02/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà Trần Thị K là đúng. Sau khi kết hôn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, bà K đã sống riêng từ tháng 01 năm 2015 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. nhưng vì con nên ông không ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn An K sinh ngày 25/02/2004 và hiện đang ở với ông. Ông yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung: Không có

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh , thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, chấp nhận sự thỏa thuận của các bên giao cho ông T nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, ghi nhận lời khai của bà K và ông T không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nhận định:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị K và ông Nguyễn Trung T là hôn nhân hợp pháp. Bà K cho rằng hai người sống chung không hạnh phúc, không có sự cảm thông chia sẻ, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay mỗi người sống một nơi, do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ vào quyết định thu thập chứng cứ số 531/2017/QĐ-CCCC ngày 15/3/2017 xác minh tình trạng hôn nhân số của tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đối với Ủy ban nhân phường 12 quận Bình Thạnh về tình trạng hôn nhân của bà Trần Thị K và ông Nguyễn Trung T kết quả “ Bà Trần Thị K sinh năm 1980 và ông Nguyễn Trung T sinh năm 1975 có cuộc sống không hạnh phúc. Hiện bà K không còn chung sống với ông T mà cư ngụ tại nhà mẹ ruột của bà K ở tỉnh Bình Dương từ tháng 01 năm 2015 cho đến nay.” Do vậy, tòa án nhận định qua các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của ông bà tại phiên tòa chứng tỏ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không còn sự cảm thông,

thương yêu tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân gia đình và gia đình yêu cầu ly hôn của bà K với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 36 quyển số 01/2004 ngày 03/3/2004 được đăng ký tại ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xác định bà K và ông T có 01 con chung tên Nguyễn An K sinh ngày 25/02/2004. Ông bà thống nhất giao con chung cho ông T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về án phí : Bà Trần Thị K phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị K về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung T

Bà Trần Thị K ly hôn với ông Nguyễn Trung T.

2. *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị K và ông Nguyễn Trung T là ông T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn An K sinh ngày 25/02/2004. Ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Bà K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung:* Không có

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* 300.000 đồng Bà Trần Thị K phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tiền án phí số 0000904 ngày 18/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- UBND p. Bình Nhâm,
TX Thuận An, T. Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ...

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị A